TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Ngôn

2. Ông Nguyễn Ngọc Vân

- Thư ký phiên toà: Bà Chu Thị Minh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị Ng, sinh năm 1986 (có mặt)

- *Bị đơn*: Anh Trịnh Đăng Th, sinh năm 1982 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Đều địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Cáp Thị B – sinh năm 1956 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn – chị Trịnh Thị Ng trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: chị và anh Trịnh Đăng Th kết hôn với nhau ngày 24/8/2007 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Trước khi cưới hai vợ chồng chị có được tự do tìm

hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức hôn lễ theo phong tục địa phương, chị về nhà anh Th làm dâu ngay và chung sống với bố mẹ anh Th được 3 năm sau đó thì ra ở riêng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 9 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do điều kiện kinh tế và nghề nghiệp dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống, gần đây vợ chồng thường xuyên cãi nhau, thậm chí đánh chửi nhau. Sau khi mâu thuẫn xảy ra không được hai bên gia đình hòa giải, nhưng hai vợ chồng cũng tự hòa giải để về đoàn tụ nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2019 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th.

Về con chung: Chị Ng xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Trịnh Đăng P, sinh ngày 15/12/2007 và cháu Trịnh Đăng Ph sinh ngày 13/3/2011. Hiện cả hai cháu đang ở cùng với anh Th. Ly hôn, chị đề nghị để chị trực tiếp nuôi cháu Trịnh Đăng P, sinh ngày 15/12/2007. Để anh Th nuôi cháu Trịnh Đăng Ph, sinh ngày 13/3/2011. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay chị đang kinh doanh hàng ăn ở thành phố B, thu nhập khoảng 20.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất: Chị Ng xác định không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của bị đơn có trong hồ sơ – anh Trịnh Đăng Th trình bày như sau: Anh và chị Trịnh Thị Ng kết hôn với nhau ngày 24/8/2007 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Trước khi cưới hai vợ chồng anh có được tìm hiểu nhau rồi kết hôn. Sau khi tổ chức hôn lễ theo phong tục địa phương, chị Ng về nhà anh làm dâu ngay và sống chung cùng với mẹ anh được 03 năm thì hai vợ chồng ra ở riêng. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do khó khăn về kinh tế, không thống nhất được về kinh tế, nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau hoặc to tiếng. Anh Th xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị Ng xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Th xác định vợ chồng có 02 con chung là Trịnh Đăng P, sinh ngày 15/12/2007 và Trịnh Đăng Ph, sinh ngày 13/3/2011, hiện nay hai cháu đang ở cùng anh, ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết để anh nuôi cả hai cháu, hiện anh đang làm kinh doanh tự do, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất: Anh Th xác định không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Do điều kiện công việc của anh Th không thể đến Tòa án làm việc được, anh đã có lời khai trong hồ sơ nên anh đề nghị Toà án xét xử vắng mặt anh.

Bà Cáp Thị B – mẹ đẻ anh Trịnh Đăng Th cung cấp: Chị Trịnh Thị Ng và anh Trịnh Đăng Th kết hôn với nhau năm 2007, trong quá trình chung sống bà không thấy vợ chồng anh Th, chị Ng có mâu thuẫn gì, chỉ có thời gian gần đây

chị Ng đi làm ăn ở thành phố B có nợ nần một số người dẫn đến vợ chồng có mâu thuẫn nhỏ. Về khoản nợ 300.000.000 đồng bà vay cho anh Th, chị Ng tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện V, bà xác định khoản vay này do bà vay, hiện nay bà vẫn đang trả lãi Ngân hàng hàng tháng, nếu anh Th và chị Ng ly hôn bà không yêu cầu anh Th, chị Ng trả khoản nợ này, bà tự trả Ngân hàng.

Xác minh tại địa phương: Ông Nguyễn Đăng S – Trưởng thôn T cung cấp: chị Trịnh Thị Ng và anh Trịnh Đăng Th kết hôn với nhau từ năm 2007 và sinh sống tại địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung. Anh Th, chị Ng có mâu thuẫn gì và nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được do anh Th, chị Ng không thông báo với chính quyền địa phương nên chính quyền không tiến hành hòa giải. Hiện này chị Ng làm ăn ở thành phố B, thỉnh thoảng mới về địa phương.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn – chị Trịnh Thị Ng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trịnh Đăng Th và đề nghị giao cháu Trịnh Đăng P sinh ngày 15/12/2007 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không yêu cầu giải quyết về tài sản, công nợ, ruộng canh tác. Chị hiện nay đang làm kinh doanh hàng ăn, thu nhập bình quân của chị khoảng 20.000.000 đồng/tháng. Chị xác định có đủ thời gian và điều kiện để chăm sóc cháu Phúc.

Anh Th vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời khai của anh Th có trong hồ sơ, chị Ng không có ý kiến gì về những lời khai đó.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hộ quy định về án phí, lệ phí Toà án, xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị Trịnh Thị Ng được ly hôn anh Trịnh Đăng Th

- Về con chung: Giao cho chị Trịnh Thị Ng được nuôi dưỡng cháu Trịnh Đăng P, sinh ngày 15/12/2007, giao cho anh Trịnh Đăng Th nuôi dưỡng cháu Trịnh Đăng Ph, sinh ngày 13/3/2011. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Chị Ng, anh Th có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Ng, anh Th thực hiện quyền này.

- Về án phí: Chị Trịnh Thị Ng phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn là anh Trịnh Đăng Th, địa chỉ: thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về việc vắng mặt anh Th, bà B: Tại phiên toà anh Th, bà B vắng mặt nhưng anh Th và bà B đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Th và bà B theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Chị Ng và anh Th đều trình bày trong hồ sơ anh chị có đăng ký kết hôn vào ngày 24/8/2007 tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Như vậy hôn nhân của chị Ng và anh Th là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị Ng và anh Th đều xác định vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2019 cho đến nay. Nay chị Ng xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Ng xin ly hôn, anh Th xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị Ng xin ly hôn anh đồng ý ly hôn. Qua xác minh thì thấy thực sự mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị Ng xin ly hôn anh Th là có căn cứ cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Trịnh Thị Ng và anh Trịnh Đăng Th có 02 con chung là cháu Trịnh Đăng P, sinh ngày 15/12/2007 và cháu Trịnh Đăng Ph, sinh ngày 13/3/2011. Hiện nay cháu P và cháu Ph đang ở cùng anh Th. Chị Ng có nguyện vọng được nuôi cháu Trịnh Đăng P sinh ngày 15/12/2007, anh Th có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu. Hội đồng xét xử xét thấy: Cả chị Ng và anh Th đều có việc làm có thu nhập ổn định để đảm bảo nuôi con, quá trình làm việc tòa án đã lấy lời khai của cháu Trịnh Đăng P và cháu Trịnh Đăng Ph, cháu Trịnh Đăng Ph có nguyện vọng được ở với anh Th, cháu Trịnh Đăng P có nguyện vọng được ở với chị Ng. Do vậy cần giao cháu Trịnh Đăng Ph cho anh Th nuôi dưỡng và giao cháu Trịnh Đăng P cho chị Ng nuôi dưỡng là phù hợp. Chị Ng, anh Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, HĐXX không xem xét trong vụ án này.

[5] Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất: Chị Trịnh Thị Ng và anh Trịnh Đăng Th đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hộ quy định về án phí, lệ phí Toà án, Chị Ng phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra cần áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự để tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 56; 57; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hộ quy định về án phí, lệ phí Toà án;

Xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị Trịnh Thị Ng được ly hôn anh Trịnh Đăng Th.

- Con chung: Giao chị Trịnh Thị Ng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Đăng P, sinh ngày 15/12/2007, anh Trịnh Đăng Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Đăng Ph, sinh ngày 13/3/2011. Chị Ng, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Ng, anh Th có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này

- Về án phí: Chị Trịnh Thị Ng phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0001209 ngày 16/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Chị Ng đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo thời hạn kháng cáo 15 ngày cho đương sự có mặt biết kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- UBND xã V (Giấy ĐKKH số 33 ngày 24/8/2007);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Đỗ Thị Tuyết